

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2023

V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành và ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tân Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: K, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như C, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: K, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại trại giam X, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Đình P, sinh năm 1966.

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: K, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Như C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc sinh được 01 con chung. Đến cuối năm 2018 chị H sang Nhật Bản sinh sống và làm việc cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau đó thưa dần. Từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng cũng không thường xuyên liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng hiện không còn. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Như C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng L, sinh ngày 16/5/2015. Hiện nay cháu đang sống với bố mẹ chị là ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị chưa yêu cầu anh Nguyễn Như C cấp dưỡng nuôi con. Do hiện tại chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Như Hoàng L cho bố mẹ chị là ông P, bà N nuôi dưỡng trong thời gian chị ở nước ngoài. Mọi chi phí nuôi dưỡng cháu chị sẽ gửi về cho bố mẹ chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Như C trình bày: Anh và chị Chu Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị H trình bày, hiện cháu đang sống với ông bà ngoại. Hiện nay anh đang ở trại giam nên anh đồng ý để chị H nuôi con, sau khi chấp hành án xong anh sẽ có yêu cầu sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Chu Thị H. Chị H kết hôn với anh Nguyễn Như C. Chị H và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng L, hiện cháu đang ở với vợ chồng ông bà. Chị H đang đi làm ăn xa, anh C đang chấp hành án tại trại giam X nên vợ chồng ông bà chăm sóc cháu L. Chị H làm đơn xin ly hôn với anh C thì ông bà không yêu cầu gì về chi phí nuôi dưỡng cháu. Nay chị H đang ở Nhật Bản nên ông bà thống nhất nhận nuôi cháu Nguyễn Như Hoàng L.

Cháu Nguyễn Như Hoàng L trình bày: Cháu muốn ở với mẹ là Chu Thị H, vì từ nhỏ cháu đã ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Chu Thị H và anh Nguyễn Như C được ly hôn. Giao con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng L, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian chị H chưa về nước thì giao cháu L cho ông bà ngoại là ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H chưa yêu cầu nên chưa xem xét. Ông P và bà N là người trực tiếp chăm sóc cháu L từ khi chị H, anh C không có mặt tại nhà nhưng ông bà không yêu cầu nên miễn xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ xác nhận của Đ tại Nhật Bản thì chị Chu Thị H hiện đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị H, bị đơn anh Nguyễn Như C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Đình P, bà Bùi Thị N đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về tình cảm: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Như C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2018, chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau đó thưa dần. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn xin ly hôn, anh C cũng đồng ý. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H và anh C được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Như C có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng L, sinh ngày 16/5/2015. Kể từ khi chị H đi lao động tại Nhật Bản thì cháu L sống cùng bố mẹ chị H là ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N. Hiện nay chị H đang ở nước ngoài, anh C đang đi chấp hành án tại trại giam X. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh C cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi. Vì vậy

để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu L cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Chu Thị H hiện đang ở nước ngoài, cháu Nguyễn Như H1 L hiện đang sống cùng ông bà ngoại là ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N. Trong thời gian chị Chu Thị H ở nước ngoài, chị H đề nghị giao cháu L cho ông P, bà N chăm sóc; ông P, bà N cũng tự nguyện nhận trách nhiệm chăm sóc, quản lý cháu L. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi mọi mặt cho cháu L, cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu L trong thời gian chị H ở nước ngoài. Anh Nguyễn Như C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị Chu Thị H và anh Nguyễn Như C, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Nguyễn Như Hoàng L từ khi chị H đi nước ngoài đến nay và tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu cho đến khi chị H về nước, ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N không yêu cầu chị H, anh C thanh toán chi phí chăm sóc cháu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Cho chị Chu Thị H và anh Nguyễn Như C được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng L, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chu Đình P và bà Bùi Thị N nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Nguyễn Như Hoàng L trong thời gian chị H ở nước ngoài.

Anh Nguyễn Như C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai

được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chu Thị H chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012742 ngày 28/3/2023.

Nguyên đơn chị Chu Thị H đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Như C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Đình P, bà Bùi Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Lê Lợi;
- Lưu HSVA-VP-Tòa GD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Thu Từ